

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/DS-ST

Ngày: 05 - 8 - 2022

V/v hợp đồng mua bán và vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Bà Hà Thị Kim Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T(tên gọi khác: Nhớ), sinh năm 1965; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ T1, sinh năm 1950; địa chỉ: Tổ 4, ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 4 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ttrình bày: Từ chỗ quen biết nên vào năm 2017, bà có bán cho bà Nguyễn Thị Lệ T1 03 bao lưới ghẹ để bà T1 đi đánh bắt hải sản với tổng số tiền là 40.000.000 đồng, bà T1 hứa sau vài chuyến đi đánh bắt ghẹ về bà T1 sẽ thanh toán đủ cho bà. Ngoài ra, sau khi bán bao lưới cho bà T1 được vài ngày thì bà T1 còn mượn thêm bà số tiền 10.000.000 đồng, sau đó bà T1 có làm biên nhận nợ bà tiền mua 03 bao lưới và tiền mượn 10.000.000 đồng, tổng cộng là 50.00.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Do đó, tại đơn khởi kiện, bà yêu cầu bà T1 phải trả cho bà số tiền 50.000.000 đồng, trong đó tiền mua lưới ghẹ 40.000.000 đồng, tiền mượn 10.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi đối với số tiền 40.000.000 đồng từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 01 năm 2022 của với lãi suất 1%/tháng là: $(40.000.000 \text{ đồng} \times 48 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng}) = 19.200.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc và lãi là 69.200.000 đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà T1 chỉ thừa nhận nợ của bà số tiền mua lưới ghe là 34.960.000 đồng và tiền mượn là 2.000.000 đồng, tổng cộng còn nợ bà 36.960.000 đồng. Do bà T1 thiếu tiền bà đã quá lâu nên việc đòi chiếu công nợ và việc bà T1 trả tiền cho bà, bà không nhớ rõ nên bà thống nhất số nợ theo thừa nhận nợ của bà T1 là 36.960.000 đồng. Xét thấy hoàn cảnh bà T1 nay đã già yếu, sức khỏe giảm sút nên bà cũng không yêu cầu đòi tiền lãi đối với bà T1. Do đó, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T1 trả số tiền mua lưới và tiền mượn là 36.960.000 đồng (Ba mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T1 trình bày: Bà không thừa nhận số tiền mua bao lưới còn thiếu của bà T là 40.000.000 đồng và tiền mượn còn thiếu là 10.000.000 đồng, như nguyên đơn trình bày tại đơn khởi kiện. Bà chỉ thừa nhận nợ tiền mua bao lưới là 34.960.000 đồng và nợ tiền mượn là 2.000.000 đồng, tổng cộng nợ bà T số tiền gốc 36.960.000 đồng. Bà xin trả dần số tiền trên mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi hết nợ và xin miễn trả tiền lãi vì bà đã già yếu và thường xuyên đau bệnh, không có khả năng trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T1 vắng mặt và có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 227 và khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà T khởi kiện yêu cầu bà T1 phải trả tiền mua bao lưới và tiền vay còn thiếu; bị đơn có địa chỉ tại ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nên căn cứ quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tường, Hội đồng xét xử xét thấy vào năm 2017, bà Nguyễn Thị Lệ T1 có mua 03 bao lưới ghe của bà Huỳnh Thị T và còn thiếu số tiền là 34.960.000 đồng; ngoài ra bà T1 còn vay của bà T số tiền 2.000.000 đồng, không có lãi. Xét thấy, việc thỏa thuận mua bán, vay tiền giữa các bên là sự giao kết hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định tại Điều 430 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, việc bà T1 không thanh toán số tiền mua bao lưới còn thiếu và không trả tiền vay cho bà T là vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại Điều 440 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên có cơ sở chấp nhận theo yêu cầu của bà T về việc buộc bà T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà T số tiền mua bao lưới còn thiếu là 34.960.000 đồng và tiền vay là 2.000.000 đồng, tổng cộng 36.960.000 đồng (Ba mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà T1 phải trả số tiền mua lưới và tiền vay còn thiếu là 13.040.000 đồng và không yêu cầu bà T1 phải trả tiền lãi là 19.200.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về

việc buộc bị đơn trả số tiền gốc 13.040.000 đồng và tiền lãi từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 01 năm 2022 là 19.200.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu xin trả dần số tiền gốc 36.960.000 đồng của bà T1 không được bà T đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, tuy nhiên bà T1 là người cao tuổi nên căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12 và khoản 1, khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T1 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, Điều 440 và Điều 466 Bộ luật Dân; khoản 1, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12 và khoản 1, khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Tvề việc buộc bà Nguyễn Thị Lệ T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Tsố tiền mua bao lưới còn thiếu là 34.960.000 đồng và tiền vay là 2.000.000 đồng, tổng cộng 36.960.000 đồng (Ba mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Tvề việc buộc bà Nguyễn Thị Lệ T1 phải trả số tiền gốc 13.040.000 đồng và tiền lãi là 19.200.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T1 là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp thuận.

Bà Huỳnh Thị Tđược trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.730.000 đồng (Một triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007958 ngày 31/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H tỉnh Kiên Giang.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tcó mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T1 vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai